

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/DS-ST**
Ngày 24/6/2021
V/v: Tranh chấp về đòi lại tài
sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Tấn Ba
2. Ông Nguyễn Văn Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 67/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về đòi lại tài sản (tiền)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn P, sinh năm 1990;

Cư trú tại: số 442/27B đường N, phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tấn N, sinh năm 1990;

Cư trú tại: xóm P, thôn Ph, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/4/2020, lời trình bày tại bản tự khai và tại các buổi làm việc, nguyên đơn trình bày như sau:*

Nguyên giữa anh và Anh Lê Tấn N có quan hệ bạn bè, cùng làm chung nhà thầu phụ thi công dự án tại Công ty gang thép Hòa Phát Dung Quất. Trong quá trình cùng làm ăn chung, anh N cần tiền để giải quyết công việc nên có nhờ anh vay hộ cho anh N số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Anh có nói

với anh N là vay của người khác, lãi suất là 10%/tháng (một tháng phải trả lãi cho người ta 3.000.000 đồng) thì anh N đồng ý. Sau khi vay tiền giúp và đưa tiền cho anh N, anh có yêu cầu anh N viết giấy xác nhận nợ và anh N đã đồng ý. Cụ thể, ngày 28/01/2019, anh N viết giấy xác nhận nợ, trong đó xác nhận có nợ anh số tiền là 30.000.000 đồng, xác nhận lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, cam kết đến ngày 28/5/2019 sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi.

Tuy nhiên, đến ngày trả nợ, anh đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh N thực hiện cam kết trả nợ nhưng anh N không trả, sau đó thay đổi nơi làm việc, anh tìm đến nhà nhiều lần nhưng không gặp, gọi điện thoại thì anh N hứa hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không trả. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Anh Lê Tấn N phải hoàn trả số tiền còn nợ. Theo đơn khởi kiện, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N phải trả số tiền là 30.000.000 đồng nhưng vừa qua, anh N có chuyển trả cho anh số tiền là 4.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh yêu cầu anh N phải trả là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện, anh yêu cầu anh N phải trả lãi với số tiền là 7.200.000 đồng. Tuy nhiên, nay anh xin rút yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu nợ gốc.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

** Tại các văn bản phản hồi ý kiến, bị đơn trình bày như sau:*

Vào khoảng cuối năm 2018, đầu năm 2019, giữa anh và anh P có làm ăn chung với nhau, cùng làm nhà thầu phụ nhận công trình thi công cho Công ty gang thép Hòa Phát Dung Quất. Tuy nhiên, quá trình làm ăn tính toán không kỹ dẫn đến thua lỗ 30.000.000 đồng. Số tiền này anh có hứa với anh P sẽ trả sau khi nhà thầu chính thanh toán khối lượng. Tuy nhiên, sau đó nhà thầu chính không thanh toán khối lượng, anh có nói với anh P để anh trả dần nhưng anh P không chịu, yêu cầu anh phải viết giấy xác nhận nợ, ghi tiền lãi theo mức lãi suất đi vay bên ngoài và anh đã đồng ý, viết giấy xác nhận. Trong thời gian qua, vì gặp khó khăn nên anh chưa trả số tiền xác nhận nợ cho anh P.

Trong dịp tết nguyên đán vừa qua, anh có chuyển trả cho anh P số tiền là 4.000.000 đồng, số tiền còn lại là 26.000.000 đồng. Anh đã liên hệ với anh P để thương lượng trả dần khoản nợ nhưng thời gian qua, anh đi làm công trình ở xa, lại bị dịch Covid-19 nên anh chưa về gặp anh P và cũng chưa đến Tòa án làm việc.

Nay anh P khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền còn nợ thì anh xác nhận còn nợ anh P 26.000.000 đồng. Hiện nay, anh không thể về để tham gia giải quyết vụ án nên anh đề nghị được trả dần số tiền còn nợ và anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như xét xử vụ án.

Về lãi suất thì anh đề nghị anh P không tính lãi.

Riêng đối với các máy móc, thiết bị mà anh và anh P mua để làm ăn chung, hiện anh P đang quản lý các tài sản này: Anh và anh P sẽ thương lượng với nhau để xử lý các tài sản này. Nếu không thương lượng, xử lý được thì anh sẽ khởi kiện anh P yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thừa nhận số tiền còn nợ là phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về lãi suất: Xét thấy nguyên đơn rút yêu cầu về lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Giữa Anh Bùi Văn P và Anh Lê Tấn N có quan hệ làm ăn chung; vào ngày 28/01/2019, anh N có xác nhận nợ anh P số tiền là 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả số tiền này vào ngày 28/5/2019. Đến hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện đúng cam kết của mình nên xảy ra tranh chấp về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản (tiền). Như vậy, tranh chấp phát sinh từ việc xác nhận nợ giữa hai bên là tranh chấp về đòi lại tài sản (tiền) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 28/01/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn có lập giấy xác nhận nợ tiền, theo đó: Anh Lê Tấn N xác nhận có nợ Anh Bùi Văn P số tiền là 30.000.000 đồng; thỏa thuận về lãi và cam kết hoàn trả số tiền nợ trước ngày 28/5/2019. Tuy nhiên đến nay, bị đơn mới trả cho nguyên đơn số tiền là 4.000.000 đồng, số tiền còn lại vẫn chưa trả nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 166 và Điều 280 Bộ luật dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 26.000.000 đồng, công nhận chữ viết và chữ ký trong xác nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là của mình và đề nghị được trả dần số tiền còn nợ. Việc bị đơn thừa nhận có nợ, đồng ý trả nợ là phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

[4] Về lãi suất: Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu về lãi là hoàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn.

[5] Án phí:

[5.1] Anh Lê Tấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.300.000 đồng (một triệu, ba trăm nghìn đồng đồng).

[5.2] Hoàn trả lại cho Anh Bùi Văn P số tiền 930.000 đồng mà anh đã nộp tạm ứng.

[5] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 166, 280, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 244, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Anh Bùi Văn P. Buộc bị đơn là Anh Lê Tấn N có nghĩa vụ trả cho Anh Bùi Văn P số tiền là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền lãi của Anh Bùi Văn P.

3. Buộc Anh Lê Tấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.300.000 đồng (một triệu, ba trăm nghìn đồng).

4. Hoàn trả lại cho Anh Bùi Văn P số tiền 930.000 đồng mà anh đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003543, ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

5. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn và bị đơn nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, CCTHADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

